

Số: *M151* /QĐ-BNN-VP

Hà Nội, ngày *05* tháng *4* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

- Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 1);
- Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 2).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện:

- Niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị những thủ tục hành chính thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Bổ sung phương thức giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích khi sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính;

- Chủ động phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 3181/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/7/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ bưu chính công ích của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- UBND cấp tỉnh, TP trực thuộc TƯ (bản PDF);
- Tổng công ty bưu điện Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ, Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, VP(KSTTHC)(30).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Hà Công Tuấn



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ
BUỔI CHỖ CÔNG ÍCH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-BNN-VP ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
1.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
2.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
3.	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
4.	Cho phép khảo nghiệm phân bón	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
5.	Công nhận lại phân bón lưu hành tại Việt Nam	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
6.	Công nhận lần đầu phân bón lưu hành tại Việt Nam	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
7.	Cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018
8.	Cấp lại thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015
9.	Cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015
10.	Cấp lại giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;

Handwritten signature
1

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
			- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015
11.	Cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015
12.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền Trung ương)	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
13.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
14.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; - Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
15.	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
16.	Cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
17.	Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký bổ sung	Bảo vệ thực vật	Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015

Handwritten signature
2

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
18.	Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký chính thức	Bảo vệ thực vật	Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
19.	Cấp giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES	Lâm nghiệp	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019
20.	Cấp giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES	Lâm nghiệp	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019
21.	Cấp giấy phép CITES nhập nội từ biểu mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I, II của CITES	Lâm nghiệp	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019
22.	Cấp chứng chỉ CITES mẫu vật tiền Công ước mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I, II CITES	Lâm nghiệp	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019
23.	Cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018
24.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018
25.	Điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018
26.	Cấp đổi giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
27.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
28.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
29.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
30.	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
31.	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
32.	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
33.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; động vật thủy sản biểu diễn nghệ thuật	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
34.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
35.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
36.	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
37.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
38.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016

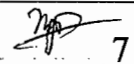
STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
39.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
40.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
41.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
42.	Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
43.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyên cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 .
44.	Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
45.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (trên cạn hoặc thủy sản) đối với cơ sở có nhu cầu chuyển đổi Giấy chứng nhận do Chi cục Thú y cấp sang Giấy chứng nhận do Cục Thú y cấp	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
46.	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, kho ngoại quan, chuyên cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016

Handwritten signature

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
47.	Cấp giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
48.	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật trên cạn	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
49.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
50.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
51.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
52.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
53.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
54.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016;

2/6

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
			- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
55.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
56.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
57.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y xuất khẩu theo yêu cầu của cơ sở	Thú y	- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
58.	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
59.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Thú y	- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
60.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
61.	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
62.	Cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc thay đổi tên thuốc thú y, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018

 7

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	y)		
63.	Cấp lại giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với vùng, cơ sở có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại vùng, cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện vùng, cơ sở sau khi được chứng nhận	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
64.	Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
65.	Gia hạn giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
66.	Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
67.	Cấp giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với vùng, cơ sở có	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016

76/8

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận		
68.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
69.	Cấp giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	Thú y	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
70.	Cấp lại giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
71.	Gia hạn giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
72.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Thú y	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016
73.	Cấp giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018

MP 9

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
74.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	Thú y	Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016
75.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
76.	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
77.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016
78.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (đối với giống bố mẹ)	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
79.	Cấp giấy phép nhập khẩu giống thủy sản	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
80.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
81.	Cấp phép nhập khẩu thủy sản sống đối với trường hợp không phải đánh giá rủi ro	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
82.	Cấp phép nhập khẩu thủy sản sống đối với trường hợp phải đánh giá rủi ro	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
			15/11/2018
83.	Cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
84.	Sửa đổi bằng bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
85.	Phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
86.	Đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
87.	Cấp bằng bảo hộ quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013

Handwritten signature



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯỞI CHÍNH CÔNG ÍCH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1151 /QĐ-BNN-VP ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
1.	Cấp giấy phép nhập khẩu phân bón	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
2.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu	Bảo vệ thực vật	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017
3.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014
4.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014
5.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014; - Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
6.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
7.	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015; - Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018
8.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp thay đổi nhà sản xuất	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015

Handwritten signature

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
9.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp đổi tên thương phẩm, thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
10.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp mất, sai sót, hư hỏng	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
11.	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
12.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015
13.	Kiểm tra giảm chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu có thời hạn	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
14.	Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu có thời hạn	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
15.	Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị triệu hồi, trả về	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
16.	Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
17.	Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
18.	Chỉ định lại tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu	Chăn nuôi	- Nghị định 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
19.	Chỉ định tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017

Handwritten signature

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
20.	Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
21.	Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
22.	Thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
23.	Đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
24.	Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
25.	Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
26.	Công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
27.	Đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới	Chăn nuôi	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017
28.	Chỉ định đơn vị đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc	Chăn nuôi	- Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014; - Thông tư 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015
29.	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi: nhập khẩu tinh, phối giống vật nuôi lần đầu vào Việt Nam	Chăn nuôi	Thông tư 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018

3

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
30.	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	- Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014; - Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015
31.	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014; - Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015
32.	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	Lâm nghiệp	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018
33.	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES	Lâm nghiệp	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019
34.	Cấp ấn phẩm chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm	Lâm nghiệp	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019
35.	Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
36.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán công trình lâm sinh	Lâm nghiệp	Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/06/2016
37.	Miễn giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi hai tỉnh trở lên)	Lâm nghiệp	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018
38.	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	Lâm nghiệp	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017
39.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh	Lâm nghiệp	Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/06/2016
40.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với	Lâm nghiệp	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018

MF 4

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý		
41.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018
42.	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ	Lâm nghiệp	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018
43.	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức quản lý rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
44.	Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	Lâm nghiệp	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018
45.	Thẩm định các hoạt động sử dụng bãi sông liên quan đến đề điều nơi chưa có công trình xây dựng để xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Phòng, chống thiên tai	- Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2011; - Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 19/5/2017
46.	Chấp thuận các hoạt động liên quan đến đề điều đối với đề cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đề điều mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên	Phòng, chống thiên tai	- Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2011; - Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 19/5/2017
47.	Đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam	Phòng, chống thiên tai	Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018

5

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực tại	Cơ sở pháp lý
48.	Thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có xuất khẩu	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018; - Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017; - Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013
49.	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017; - Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013
50.	Cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở trong danh sách ưu tiên	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018; - Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017; - Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013
51.	Cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở ngoài danh sách ưu tiên	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018; - Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017; - Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013
52.	Cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018; - Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017; - Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013
53.	Xử lý lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo không bảo đảm an toàn thực phẩm	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013; - Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017
54.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Thông tư số 06/2010/TT- BNNPTNT ngày 02/02/2010
55.	Xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất	Quản lý Chất	- Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/1/2018;

6

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu	lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015
56.	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014
57.	Đăng ký quốc gia, vùng lãnh thổ và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào danh sách xuất khẩu thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) vào Việt Nam	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018
58.	Bổ sung danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản vào Việt Nam.	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018
59.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
60.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
61.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)		
62.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-B YT-BCT-BNNPTNT ngày 1/8/2013; - Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 1/8/2011
63.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-B YT-BCT-BNNPTNT ngày 1/8/2013; - Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 1/8/2011
64.	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-B YT-BCT-BNNPTNT ngày 1/8/2013; - Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 1/8/2011
65.	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-B YT-BCT-BNNPTNT ngày 1/8/2013; - Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 1/8/2011
66.	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm.	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-B YT-BCT-BNNPTNT ngày 1/8/2013; - Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 1/8/2011
67.	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018
68.	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông	Quản lý Chất lượng Nông lâm	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018

MS
8

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	ng nghiệp và Phát triển nông thôn	sản và Thủy sản	
69.	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018
70.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
71.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
72.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
73.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
74.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
75.	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
76.	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
77.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
78.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt và công trình mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 2 tỉnh trở lên do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018
79.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018

10

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
80.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
81.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018
82.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018
83.	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018
84.	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
85.	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
86.	Cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (để trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học)	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
87.	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
88.	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
89.	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
90.	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép hoạt động cho tổ chức, cá nhân nước ngoài có tàu hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
91.	Cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam hoặc cấp phép cho đi khai thác tại vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
92.	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
93.	Công bố mở cảng cá loại 1	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
94.	Cấp phép xuất khẩu loài thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc trong Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện (đối với mục đích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế)	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019
95.	Xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018

Handwritten signature 12

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	thủy sản khai thác nhập khẩu (theo yêu cầu)		
96.	Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
97.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
98.	Cấp lại giấy chứng cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
99.	Cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen	Trồng trọt	Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018
100.	Công nhận đặc cách giống cây trồng biến đổi gen	Trồng trọt	Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014
101.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
102.	Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
103.	Hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
104.	Chỉ định tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm DUS giống cây trồng bảo hộ	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
105.	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
106.	Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
107.	Chuyển giao quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
108.	Chỉ định lại tổ chức, cá nhân khảo nghiệm DUS giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
109.	Khảo nghiệm DUS giống cây trồng do người nộp đơn tự thực hiện	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013

2/10/13

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
110.	Ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
111.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
112.	Cấp lại thẻ giám định viên quyền đối với giống cây	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
113.	Cấp thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
114.	Ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
115.	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
116.	Chuyển nhượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
117.	Chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013.
118.	Xử lý ý kiến phản đối của người thứ ba về việc chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng	Trồng trọt	Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
119.	Công nhận giống cây trồng cho sản xuất thử	Trồng trọt	Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 26/01/2007
120.	Chỉ định cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng	Trồng trọt	Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 26/01/2007
121.	Công nhận chính thức giống cây trồng mới	Trồng trọt	Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 26/01/2007
122.	Công nhận đặc cách giống cây trồng mới	Trồng trọt	Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 26/01/2007
123.	Cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp	Trồng trọt	Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
124.	Sửa đổi, đình chỉ, huỷ bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16/8/2010
125.	Cấp giấy phép xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp	Trồng trọt	Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015
126.	Phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015
127.	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015
128.	Điều chỉnh đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015
129.	Đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015
130.	Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010
131.	Cấp giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi (trường hợp được ít nhất năm nước phát triển cho phép sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi)	Khoa học công nghệ và Môi trường	- Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010; - Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2014

Handwritten signature

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
132.	Cấp giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi (trường hợp chưa đủ năm nước phát triển cho phép sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi)	Khoa học công nghệ và Môi trường	- Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010; - Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2014
133.	Thu hồi giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	Khoa học công nghệ và Môi trường	- Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010; - Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2014
134.	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ môi trường	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 17/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016
135.	Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ môi trường	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 17/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016
136.	Thẩm định báo cáo ĐMC thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016
137.	Lấy ý kiến báo cáo ĐMC không thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016
138.	Thẩm định báo cáo ĐTM thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
139.	Lấy ý kiến báo cáo ĐTM không thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016
140.	Công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp	Khoa học công nghệ và Môi trường	Thông tư số 04/2018/TT-BNNPTNT ngày 03/05/2018
141.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
142.	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
143.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
144.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
145.	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
146.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016

[Handwritten signature]
17

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	nghệ và Môi trường	
147.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
148.	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
149.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
150.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
151.	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
152.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
153.	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định,	Khoa học công nghệ và Môi	- Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018

MSD
18

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
	chứng nhận	trường	
154.	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp	Khoa học công nghệ và Môi trường	- Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018
155.	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Khoa học công nghệ và Môi trường	- Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018
156.	Chỉ định tạm thời đối với tổ chức thử nghiệm	Khoa học công nghệ và Môi trường	- Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018
157.	Cấp đồng thời Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận/thử nghiệm/giám định/kiểm định và Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Khoa học công nghệ và Môi trường	- Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018
158.	Phê duyệt dự án khuyến nông, thuyết minh dự án khuyến nông trung ương	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018
159.	Phê duyệt điều chỉnh dự án khuyến nông trung ương	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018
160.	Nghiệm thu kết quả hàng năm kết quả dự án khuyến nông trung ương	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018

19

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
161.	Nghiệm thu kết quả kết thúc dự án khuyến nông trung ương	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018
162.	Phê duyệt nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018
163.	Phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên	Khoa học công nghệ và Môi trường	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018
164.	Xét khen thưởng cấp Bộ (Cờ thi đua Bộ, Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Bộ trưởng, Kỷ niệm chương, Bức trướng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Thi đua khen thưởng	Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 6/8/2018
165.	Xét khen thưởng cấp nhà nước (Cờ thi đua Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, cờ thi đua của Chính phủ, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương các loại, Bằng khen thủ tướng Chính phủ)	Thi đua khen thưởng	Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 6/8/2018
166.	Xét công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, hiệu quả áp dụng, cấp toàn quốc của sáng kiến	Thi đua khen thưởng	Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 6/8/2018
167.	Xét tặng giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam	Thi đua khen thưởng	Thông tư số 06/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ sở pháp lý
168.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Quản lý xây dựng công trình	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015
169.	Thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	Quản lý xây dựng công trình	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015
170.	Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng	Quản lý xây dựng công trình	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015
171.	Thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng	Quản lý xây dựng công trình	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015

Handwritten signature